| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SƠN LA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày 01-8-2018
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Quản Hữu Chiến.

*Các Thẩm phán*: Ông Cầm Văn Thanh.

Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT-TC ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thân Thị L. Địa chỉ: Bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn:

- BĐ 1. Có mặt.

- BĐ 2. Có mặt.

- BĐ 3. Có mặt.

- BĐ 4. Có mặt.

- BĐ 5. Có mặt.

- BĐ 6 (Phạm Đức T). Có mặt.

- BĐ 7. Có mặt.

Đều trú tại: Bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La.

- BĐ 8. Địa chỉ: Bản PC, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ 1. Có mặt.

- NLQ 2. Có mặt.

- NLQ 3. Có mặt.

Đều trú tại: Bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La.

4. Người kháng cáo:

Bị đơn: BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 6 (Phạm Đức T);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ 1, NLQ 2, NLQ 3.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2017 và quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Thân Thị L trình bày:

Từ ngày 26/02/2007, vợ chồng ông Nguyễn Xuân M và bà Đào Thị T1 (trú tại: Bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La) có chuyển nhượng cho bà 400m$^2$ đất thổ cư, 01 nhà gỗ, ao cá, vườn cây, mó nước, 02 bụi tre và đất nương với tổng số tiền 35.000.000đ. Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp và giáp mó nước có một lối nhỏ đi lên rừng.

Năm 2008, BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 4, BĐ 5, BĐ 6 (Phạm Văn T) và BĐ 7 phá nương của bà để làm đường đi rộng 1m. Đến năm 2015 lại thuê ông Phạm Hồng T3 xúc đất nương ra rộng 4m, mở đường đi qua trên bề mặt mó nước. Sau khi các hộ tự ý mở đường đi qua nương đang sử dụng, bà không đồng ý nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc các hộ nêu trên phải trả lại phần đường các hộ đã mở vào nương của bà; yêu cầu các hộ phải bồi thường theo quy định của nhà nước và không được tiếp tục đi qua con đường trên bề mặt mó nước của gia đình để đảm bảo vệ sinh, không bị ô nhiễm môi trường trong tương lai.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử sơ thẩm, các bị đơn trình bày:

BĐ 1: Gia đình ông có nương trên khu vực đồi bản (thường gọi là rừng thông đồi ông M), việc đi nương và vận chuyển nông sản từ xưa đến nay đều theo con đường cũ từ khe suối lên. Năm 1999, Đảng và nhà nước giao đất cho từng hộ cá nhân và quy hoạch đường rộng 6m để có đường vận chuyển nông sản của khu vực. Các hộ chỉ sửa đường theo quy hoạch để tiện đi lại. Việc bà L khởi kiện xác định đường đó là nương của bà và yêu cầu trả lại là không đúng.

BĐ 2; BĐ 3: Gia đình ông có mảnh nương tại khu vực đồi bản. Con đường các hộ tu sửa là đường đi từ trước đến nay để vận chuyển nông sản. Năm 1999, Đảng và Nhà nước giao đất cho từng hộ cá nhân và có quy hoạch đường

rộng 6m nên các hộ chỉ tu sửa lại cho thuận tiện việc đi lại. Việc bà L xác định không có đường, không cho ai đi và rào lại là không đúng, đề nghị Tòa xem xét.

BĐ 6 (Phạm Văn T): Gia đình ông có mảnh nương ở đồi bản, con đường các hộ tu sửa là đường đi từ trước đến nay. Bà L xác định không có đường, không cho ai đi và rào lại là không đúng, đề nghị Tòa xem xét.

BĐ 7: Ngày 03/8/2016, đoàn công tác của Ủy ban nhân dân xã LP lên xác minh, khảo sát và xác định theo sơ đồ theo sơ đồ dã ngoại năm 1999 có quy hoạch đường dân sinh 6m. Việc bà L xác định không có đường, không cho ai đi và rào lại là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét để nhân dân tu sửa có đường vận chuyển nông sản.

BĐ 5: Gia đình ông không có nương tại khu vực các hộ đang tranh chấp và ông không biết việc mở đường của các hộ.

BĐ 8: Bà được Ủy ban nhân dân xã LP phân công đi cùng đoàn kiểm tra tại nơi xảy ra tranh chấp. Bà không được nói là có đường quy hoạch 6m, không được vẽ sơ đồ đất nương của bà L. Việc tranh chấp và khởi kiện của bà L với các hộ dân không liên quan đến bà vì bà cán bộ địa chính được phân công tham gia hòa giải tranh chấp giữa các bên.

BĐ 4: Ông không có nương tại khu vực xứ đồng đồi bản và không tham gia làm đường. Đối với mó nước đang tranh chấp, ông và một số hộ dân đã ký thỏa thuận ngày 16/8/2015, từ đó đến nay ông không còn liên quan đến việc tranh chấp của các hộ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu ông phải bồi thường là không đúng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

NLQ 1: Gia đình bà có mảnh nương tại khu vực đồi bản (đồi ông M) rộng khoảng 800m$^2$. Từ trước đến nay, gia đình bà đi theo con đường này để vận chuyển nông sản. Do mưa lũ xói mòn nên năm 2015, gia đình bà cùng một số hộ khác góp tiền thuê máy xúc tu sửa lại đường. Bà đề nghị các cơ quan có thẩm quyền giữ nguyên con đường để các hộ tiện đi lại và vận chuyển nông sản.

NLQ 2: Gia đình bà có mảnh nương rộng khoảng 1ha tại khu vực đồi bản. Từ xưa đến nay, gia đình bà vẫn sử dụng con đường này để đi nương và nhà nước đã quy hoạch đường 6m nên đề nghị Tòa án giải quyết tiếp tục cho con đường để các hộ tiện đi lại và và vận chuyển nông sản.

NLQ 3: Gia đình bà có nương sau nương của bà L nên có sử dụng con đường qua mó nước thuộc nương của bà L để đi nương. Khi các hộ sửa đường, gia đình bà có góp tiền để thuê máy xúc. Do chồng bà là ông Nguyễn Văn H đã ốm trên 6 tháng, không đảm bảo độ minh mẫn nên bà đại diện để tham gia vụ án và đề nghị Tòa án tiếp tục cho dân bản đi qua con đường dân sinh mà các hộ đã góp tiền sửa chữa, mở rộng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Thân Thị L làm ngày 06 tháng 9 năm 2017.

1. Áp dụng các Điều 255, 256, khoản 1 Điều 265 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Buộc các hộ BĐ 1, BĐ 2, NLQ 1, BĐ 6, BĐ 3 và NLQ 3 phải trả lại cho bà Thân Thị L tổng diện tích đất nương đã mở làm đường là 332m$^2$ (chiều rộng là 4m, chiều dài là 83m) tại khu vực xứ đồng rừng T4 (khu đồi bản, tức đồi ông M) thuộc bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La, bà Thân Thị L được quyền rào lại toàn bộ phần đất nương và mó nước của bà L do các hộ đã mở thành đường đi qua trên bề mặt mó nước cụ thể như sau:

- Phía Đông bà Thân Thị L được quyền rào ngang toàn bộ phần nương của bà L đang sử dụng cộng với phần nương đã bị đào làm đường rộng trung bình 4m tại giáp mép đường 76 (phía Tây) giáp với đường đã quy hoạch 6m và giáp với nương ông Nguyễn Văn H (NLQ 3) thuộc Tờ sơ đồ số 22, thửa số 16/21620.

- Phía Bắc được rào dọc toàn bộ bắt đầu tính nối tiếp theo từ mép đo thứ 76 chân dốc giáp nương ông H (NLQ 3) thuộc Tờ sơ đồ số 22, thửa số 16/21620 dọc theo giáp rãnh suối mòn phía Nam (giáp mép nương của bà L) về hướng Tây là 83m giáp với nương ông Nguyễn Văn H thuộc Tờ sơ đồ số 22, thửa số 14/1570.

- Phía Tây được quyền rào ngang toàn bộ phần nương của bà L giáp với nương của ông Nguyễn Văn H thuộc Tờ sơ đồ số 22, thửa số 14/1570 đã bị đào làm đường với chiều rộng là 4m.

+ Đối với đoạn đường có chiều dài 76m được quy hoạch tại Tờ sơ đồ số 22 được đo bắt đầu tính từ phía Đông giáp gốc vườn phía Nam khu vườn nhà cũ của bà Thân Thị L mua của bà Đào Thị T1 và ông Nguyễn Xuân M thuộc thửa số 17/2380 Tờ sơ đồ số 15 và giáp nương ông Nguyễn Văn H về hướng Tây thuộc bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La.

2. Các hộ có quyền đi nương hoặc đi làm việc việc khác theo đường 10m phía Bắc hoặc có quyền mở đường dân sinh theo quy hoạch tại Tờ sơ đồ số 22 thuộc bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La, từ hướng Đông sang hướng Tây, nhưng với điều kiện trước khi mở đường theo đường đã quy hoạch tại Tờ sơ đồ số 22 phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, nhất trí và phải đo từ góc nương của BĐ 1 tại Tờ sơ đồ số 22 từ góc nương phía Bắc sang phía Nam là 29m giáp với trục đường đã quy hoạch.

3. Bác toàn bộ yêu cầu của BĐ 7 và NLQ 2 về việc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tiếp tục cho dân bản và các hộ đi qua đoạn đường đã tu sửa đi qua nương và mó nước của gia đình bà Thân Thị L.

4. Áp dụng khoản 20 Điều 2 và Điều 31 Luật Tài nguyên môi trường nước:

Cấm các đương sự trong vụ án và nhân dân trong khu vực không được tận dụng bề mặt mó nước nằm trong phạm vi nương của bà Thân Thị L để làm đường đi để đảm bảo vệ sinh môi trường và sự sinh tồn của mó nước.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc BĐ 1, BĐ 3, BĐ 6, BĐ 2, NLQ 1 và NLQ 3 mỗi người phải bồi thường cho bà Thân Thị L 1.106.000đ (một triệu một trăm linh sáu nghìn đồng) do tài sản bị thiệt hại.

6. Về chi phí định giá tài sản: Áp dụng khoản 1 Điều 165 và khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự:

Buộc BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 6, NLQ 1 và NLQ 3 mỗi người phải trả cho bà Thân Thị L 333.333đ (ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

7. Áp dụng khoản 20 Điều 3, Điều 30, Điều 31, khoản 5 Điều 9 Luật Tài nguyên môi trường nước và Điều 5 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ:

Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm, hủy hoại, làm đường hoặc có những hành vi khác làm ảnh hưởng đến phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trong phạm vi nương của bà Thân Thị L, để các hộ được sử dụng nguồn nước đảm bảo vệ sinh môi trường.

8. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự:

Buộc BĐ 2, BĐ 1, BĐ 3, BĐ 6, NLQ 1 và NLQ 3 mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo giá ngạch.

Buộc BĐ 7 và NLQ 2 mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí do yêu cầu đề nghị không được Tòa án chấp nhận.

Buộc bà Thân Thị L phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của bà đối với BĐ 8, BĐ 4 và BĐ 5 không được Tòa án chấp nhận là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 03875 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án dân sự của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/3/2018, các bị đơn gồm: BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 6; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ 2, NLQ 1, NLQ 3 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La với lý do bản án sơ thẩm chưa khách quan, chưa xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự và việc giải quyết vụ án không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của những người kháng cáo:

Ý kiến của BĐ 1: Bản án sơ thẩm xác định không có con đường quy hoạch 6m và xác định diện tích đất đang tranh chấp nằm trong đất nương của bà L là không đúng với thực tế vì con đường này đã hình thành từ năm 1962. Theo bản đồ quy hoạch đất lâm nghiệp năm 1999 thì con đường này thuộc đất lâm nghiệp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Y chưa khách

quan trong việc xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án như: Tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ khi ông không có mặt; không xem xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông vì cho rằng không đúng số lô, số thửa nhưng lại lấy diện tích đất trong giấy này làm căn cứ để đo đạc; khi đo đất chỉ đo từ phía nương của ông và ông bà H NLQ 3, không đo đất của bà L; không lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền và lời khai của các già làng là những người biết rõ quá trình hình thành và sử dụng con đường. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người kháng cáo BĐ 3, BĐ 6 (Phạm Đức T), BĐ 2, NLQ 1, NLQ 2 và NLQ 3: Các ông bà đồng ý với ý kiến của BĐ 1. Tại phiên tòa phúc thẩm, các ông, bà giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của nguyên đơn bà Thân Thị L: Những người kháng cáo xác định có con đường quy hoạch 6m là không đúng. Bà mua đất của ông bà T1 M từ năm 2007, việc mua bán, chuyển nhượng đất có xác nhận của BĐ 1 là Trưởng bản tại thời điểm đó và nội dung giấy tờ mua bán, chuyển nhượng đất thể hiện là không có con đường này. Bà L xác định kháng cáo của các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của bị đơn BĐ 4, BĐ 5: Các ông không có nương ở khu vực đất đang tranh chấp. Các ông không có tranh chấp và không có liên quan đến tranh chấp của các hộ dân.

Ý kiến của BĐ 7: Ông đại diện bản tham gia hòa giải tranh chấp giữa các hộ dân. Ông không có đất tại khu vực đang tranh chấp, không có tranh chấp và cũng không liên quan đến tranh chấp đất của các hộ dân nêu trên.

Ý kiến của BĐ 8: Bà ở bản PC, không có đất ở bản MT. Bà là cán bộ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LP giao nhiệm vụ xác minh và hòa giải tranh chấp giữa các hộ dân. Bà không có tranh chấp và không liên quan đến tranh chấp đất của các hộ dân nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Đơn kháng cáo của các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hạn luật định, cần chấp nhận về hình thức và chấp nhận về nội dung.

Đề nghị: Do Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 23/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc tranh chấp quyền sử dụng đất có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên căn cứ theo khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Hủy bản án sơ thẩm và

chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về căn cước của đương sự trong vụ án: Bản án sơ thẩm xác định có bị đơn là BĐ 6 (Phạm Văn T), sinh năm 1974, địa chỉ: Bản MT, xã LP, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, một số tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện đương sự này tên là BĐ 6 (Phạm Đức T). Kết quả kiểm tra căn cước tại phiên tòa phúc thẩm xác định đương sự tên là BĐ 6 (Phạm Đức T), ngoài tên gọi BĐ 6 (Phạm Đức T), đương sự không có tên gọi khác.

[1.2] Về việc xác định người tham gia tố tụng: Theo Giấy chuyển nhượng đất và tài sản ngày 24/02/2007 giữa ông bà T1 M với bà L; hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L; biên bản làm việc với bà L ngày 04/6/2018; lời khai của bà L và ông Nguyễn Văn H1 (là chồng của bà L, đăng ký kết hôn từ năm 1997, Tòa án không triệu tập nhưng có mặt tại phiên tòa phúc thẩm) tại phiên tòa phúc thẩm đều xác định thửa đất đang tranh chấp là tài sản chung của bà L và anh Diêm Công T2 (là con riêng của bà L). Tòa án cấp sơ thẩm không lấy ý kiến của anh T2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và không đưa anh T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn BĐ 5: BĐ 5 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện BĐ 5 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai và BĐ 5 không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt BĐ 5 của Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hồ sơ vụ án cũng không thể hiện bản án đã được tống đạt hợp lệ cho BĐ 5 theo quy định tại Điều 174 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Về việc kháng cáo của các đương sự: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/3/2018, 04 bị đơn gồm: BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 6 (Phạm Đức T) và 03 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: NLQ 2, NLQ 1, NLQ 3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại Tờ trình kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người kháng cáo là BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 4, BĐ 5 và NLQ 2 là không chính xác.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Theo nội dung Giấy chuyển nhượng đất và tài sản ngày 24/02/2007 giữa ông bà T1 M với bà L và anh T2 thì bà L và anh T2 "là người được sở hữu toàn bộ nhà cửa, đất đai, vườn tược đã có trong bìa đỏ: hai bụi tre, mó nước, toàn bộ đường ống nước dẫn từ mó nước về". Tại bản án sơ thẩm nhận định "Riêng đối với mảnh nương của bà Thân Thị L mua của bà T1 ông M đang có mó nước sử dụng mà hiện tại các hộ đã tu sửa, mở đường đi qua là không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trong giấy chuyển nhượng quyền sử

dụng đất thể hiện việc chuyển nhượng có cả mảnh đất này". Xét thấy, nội dung nhận định của bản án sơ thẩm mâu thuẫn với nội dung giấy tờ chuyển nhượng đất giữa ông bà T1 M với bà L và anh T2. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn mà không tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan để làm rõ nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp? Tổng diện tích đất bà L và anh T2 nhận chuyển nhượng của ông bà T1 M? Diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận và diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thiếu sót, cần được khắc phục bổ sung.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo đều xác định con đường đang tranh chấp đã hình thành từ năm 1962, đến năm 1999 được quy hoạch thành đường dân sinh 6m thể hiện trong Tờ sơ đồ số 15 và 22. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh, lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm rõ về việc quy hoạch và thực hiện quy hoạch nhằm xác định có hay không có con đường này trên thực tế. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/12/2017 và sơ đồ kèm theo cũng không thể hiện hình thể thửa đất đang tranh chấp, chiều dài các cạnh thửa, số hiệu thửa, tên các công trình giáp ranh, chỉ dẫn hướng Bắc - Nam, chỉ giới, mốc quy hoạch; không xác định vị trí, loại đất và hiện trạng các tài sản trên đất (như mó nước, hai bụi tre) nên không có căn cứ xác định diện tích và vị trí thửa đất đang tranh chấp nằm trong hay nằm ngoài phần diện tích đất bà L được quyền sử dụng. Việc cấp sơ thẩm giải quyết vụ án khi chưa thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ có liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2.3] Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L: Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà L giữ nguyên yêu cầu buộc các bị đơn và những người liên quan phải san lấp lại con đường và bồi thường đối với nương rẫy, cây cối bị thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L gồm những khoản nào, thiệt hại thực tế đã xảy ra là bao nhiêu mà căn cứ vào giá trị đất đang tranh chấp để xác định và buộc các đương sự phải liên đới bồi thường cho bà L là không đúng nguyên tắc bồi thường thiệt hại quy định tại Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Đối với ý kiến của bị đơn BĐ 7 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ 2 đề nghị Tòa án giải quyết giữ nguyên con đường để dân có lối đi vận chuyển nông sản: Đây chỉ là ý kiến của BĐ 7 và NLQ 2 đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, cấp sơ thẩm xác định đây là yêu cầu phản tố của BĐ 7 và yêu cầu độc lập của NLQ 2 và buộc BĐ 7, NLQ 2 phải chịu án phí do yêu cầu không được chấp nhận là không có căn cứ, không đúng quy định tại Điều 200, 201 và 202 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Từ sự phân tích, nhận định trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, tại cấp phúc thẩm không bổ sung, khắc phục được. Để vụ án được giải quyết đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hai cấp xét xử, quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương

sự thấy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: BĐ 1, BĐ 2, BĐ 3, BĐ 6 (Phạm Đức T), NLQ 2, NLQ 1 và NLQ 3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả lại 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số lần lượt là 03894, 03895, 03891, 03892, 03890, 03889 và 03893 ngày 30/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 01/8/2018).

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Y;
- CC THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quản Hữu Chiến**